

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Môn học

QUẢN TRỊ SẢN XUẤT

Mã môn: **PAD23031**

Dùng cho các ngành

Kế toán kiểm toán – Hệ Cao đẳng

**THÔNG TIN VỀ CÁC GIẢNG VIÊN
CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY MÔN HỌC**

1. ThS . Nguyễn Thị Hoàng Đan – Giảng viên cơ hữu

- Chức danh, học hàm, học vị: *Thạc sĩ*
- Thuộc bộ môn: Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ liên hệ: 36 đường Dân Lập – Dư Hàng Kênh – Lê Chân – Hải Phòng
- Điện thoại: 0902125129 Email: dannth@hpu.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Nguyên lý kinh tế, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị sản xuất...

2. TS. Nguyễn Văn Nghiễn – Giảng viên thỉnh giảng

- Chức danh, học hàm, học vị: *Tiến sĩ*
- Thuộc bộ môn: Quản lý kinh tế
- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
- Điện thoại:..... Email:
- Các hướng nghiên cứu chính: Nguyên lý kinh tế, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị sản xuất, khoa học quản lý...

THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

1. Thông tin chung

- Số đơn vị học trình/ tín chỉ: 3 tín chỉ = 67,5 tiết = 68 tiết
- Các môn học tiên quyết:

Sinh viên đã được trang bị phần kiến thức giáo dục đại cương, phần kiến thức khối ngành và cơ sở ngành như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học, Nguyên lý thống kê...

- Các môn học kế tiếp: Quản trị doanh nghiệp
- Các yêu cầu đối với môn học (nếu có): Sinh viên phải tìm hiểu tài liệu trước khi lên lớp.
- Thời gian phân bổ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 43 tiết = 63,24%
 - + Làm bài tập trên lớp: 6 tiết = 8,82%
 - + Thảo luận: 12 tiết = 17,64%
 - + Hoạt động theo nhóm: 5 tiết = 7,35%
 - + Tự học: 65 tiết (không tính vào giờ lên lớp)
 - + Kiểm tra: 2 tiết = 2,94%

2. Mục tiêu của môn học:

- Kiến thức: Môn học sẽ giúp cho sinh viên biết được kiến thức về quản trị sản xuất và điều hành, như các kiến thức về quản trị sản xuất và tác nghiệp, phân loại sản xuất, quản lý dự trữ, dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm, lựa chọn quá trình sản xuất và hoạch định công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, điều độ sản xuất...

- Kỹ năng: Sau khi học xong môn học sinh viên sẽ có được phương pháp tính toán trong từng lĩnh vực cụ thể của hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó làm cơ sở cho việc ra quyết định.

- Thái độ: Sinh viên sẽ nâng cao tính tự chủ trong khi ra các quyết định mang tính chủ động hơn trong công việc nói chung và trong công tác quản lý sản xuất nói riêng.

3. Tóm tắt nội dung môn học:

Quản trị sản xuất được coi là một trong những nội dung quan trọng của quản trị doanh nghiệp, sản xuất là một chức năng chính của doanh nghiệp, cùng với chức năng thương mại và tài chính nó tạo ra cái kiềng 3 chân cho doanh nghiệp. Nó quyết định đến kết quả sản xuất và sức cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua chất lượng sản phẩm, giá thành sản xuất và thời gian cung cấp sản phẩm. Quản trị sản xuất là môn học thuộc kiến thức ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý sản xuất nhằm đạt mục tiêu chung của doanh nghiệp.

Học phần sẽ giúp cho sinh viên biết được kiến thức về quản trị sản xuất và điều hành, như các kiến thức về quản trị sản xuất và tác nghiệp, phân loại sản xuất, quản lý dự trữ, dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm, lựa chọn quá trình sản xuất và hoạch định công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, điều độ sản xuất...

4. Học liệu:

- Học liệu bắt buộc ghi theo thứ tự ưu tiên (tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản, nơi có tài liệu này, website, băng hình, ...):

1. *Quản trị sản xuất và tác nghiệp (giáo trình và bài tập)*, TS. Trương Đoàn Thử, (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, khoa QTKD), Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội 2004.

2. *Giáo trình “Quản trị sản xuất và tác nghiệp”*, TS. Trương Đoàn Thử (chủ biên), Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Khoa Quản trị kinh doanh, Nhà xuất bản Lao động Xã hội, 2004.

3. *Quản trị sản xuất và dịch vụ*, Đồng Thanh Phương, NXB thống kê, tái bản lần thứ 3, 2003.

4. *Quản trị sản xuất*, Nguyễn Văn Nghiền (Đại học Bách khoa Hà Nội – Khoa Quản lý sản xuất), NXB Đại học Quốc gia, 2001.

5. *Quản trị sản xuất và tác nghiệp*, TS. Đặng Minh Trang, NXB Thống kê thành phố Hồ Chí Minh, 2003.

- Học liệu tham khảo ghi theo thứ tự ưu tiên (tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản, nơi có tài liệu này, website, băng hình, ...).

1. *Quản trị sản xuất viễn thông*, TS. Nguyễn Thị Minh An và TS. Nguyễn Hòa Anh, NXB Bưu điện, 2005,

2. Quản trị sản xuất và tác nghiệp, Trương Đoàn Thê, NXB Thống kê, 2002.
3. *Quản trị sản xuất và dịch vụ*, Đồng Thanh Phương, NXB thống kê, 2002.
4. Quản trị kinh doanh tổng hợp, PGS.TS. Nguyễn Thành Độ và TS. Nguyễn Ngọc Huyền, NXB Thống kê, 2001.
5. Operations Management meeting customer' demands, Edward M. Knod, McGraw, Hill Higher Education, 2001.
6. Mạng Internet...

5. Nội dung và hình thức dạy học:

NỘI DUNG (Ghi cụ thể theo từng chương, mục, tiểu mục)	Hình thức dạy - học						Tổng (tiết)
	Lt	Bài tập	Thảo luận	HD nhóm	Tự học tự NC	Kiểm tra	
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN TRỊ SẢN XUẤT	4	0	2		(7)		6
1.1. Quá trình sản xuất và vai trò của sản xuất trong doanh nghiệp	1		1		(2)		2
1.1.1. Khái niệm về sản xuất							
1.1.2. Vai trò, vị trí của SX trong DN							
1.2. Phân loại quá trình sản xuất	1		1		(2)		2
1.2.1. Phân loại theo số lượng sản phẩm và qtrình lặp lại							
1.2.2. Phân loại theo hình thức tổ chức							
1.2.3. Phân loại theo mối quan hệ với khách hàng							
1.3. Quản trị sản xuất	1				(1)		1
1.4. Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của quá trình sản xuất	1				(1)		1
1.5. Nội dung chủ yếu của QTSX	0,5				(0,5)		0,5
1.6. Kết cấu thời gian của chu kỳ SX	0,5				(0,5)		0,5
CHƯƠNG 2. DỰ BÁO NHU CẦU SP	4	1	1		(7)		6
2.1. Một số vấn đề chung về dự báo	1		1		(2)		2
2.1.1. Khái niệm dự báo							
2.1.2. Các loại dự báo							
2.2. Phương pháp dự báo	3	1			(5)		4
2.2.1. Nhóm phương pháp định tính							
2.2.2. Các phương pháp định lượng							
2.2.3. Phương pháp bình quân di động							
2.2.4. PP bình quân di động có trọng số							
2.2.5. Phương pháp san bằng số mũ giản đơn							
2.2.6. PP san bằng số mũ có điều chỉnh xu hướng							
2.2.7. Phương pháp hoạch định theo xu hướng							
2.2.8. Phương pháp phân tích cấu trúc							
CHƯƠNG 3. HOẠCH ĐỊNH NĂNG LỰC SẢN XUẤT	5	1	1	1	(9)	0	8
3.1. Một số vấn đề chung về hoạch định năng lực sản xuất	2			1	(3)		3
3.1.1. Công suất							
3.1.2. Các loại công suất							
3.2. Phương pháp hoạch định công suất	3	1	1		(6)		5
3.2.1. Sử dụng LT quyết định để lựa chọn CS							
3.2.2. Lựa chọn phương án công suất dựa trên việc phân tích điểm hoà vốn							
CHƯƠNG 4. XÁC ĐỊNH ĐỊA ĐIỂM DOANH NGHIỆP	6	1	1	0	(9)	0	8
4.1. Các bước tiến hành chọn địa điểm doanh nghiệp	1				(2)		1
4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn địa điểm doanh nghiệp	2,5		1		(2)		3,5
4.2.1. Thị trường tiêu thụ							

NỘI DUNG (Ghi cụ thể theo từng chương, mục, tiểu mục)	Hình thức dạy - học						Tổng (tiết)
	Lt	Bài tập	Thảo luận	HD nhóm	Tự học tự NC	Kiểm tra	
4.2.2. Nguồn nguyên liệu							
4.2.3. Nhân tố lao động							
4.2.4. Cơ sở hạ tầng							
4.2.5. Điều kiện môi trường xã hội							
4.2.6. Điều kiện tự nhiên							
4.3. Các phương pháp xác định địa điểm	2,5	1			(5)		3,5
4.3.1. Phương pháp cho điểm số trọng số							
4.3.2. Phương pháp điểm hoà vốn							
4.3.3. Phương pháp chọn toạ độ một chiều							
4.3.4. Phương pháp tạo độ hai chiều							
4.3.5. Phương pháp sử dụng bài toán vận tải							
CHƯƠNG 5. HOẠCH ĐỊNH TỔNG HỢP	6	1	2	1	(9)	0	10
5.1. Hoạch định tổng hợp và nhiệm vụ của nó	1			0,5	(2)		1,5
5.2. Các chiến lược hoạch định tổng hợp	3	1	0,5	0,5	(4)		5
5.2.1. Chiến lược thay đổi mức tồn kho							
5.2.2. Chiến lược thay đổi nhân lực							
5.2.3. Chiến lược thay đổi cường độ lao động của công nhân							
5.2.4. Chiến lược thuê bên ngoài ra công hoặc làm gia công cho bên ngoài							
5.2.5. Chiến lược sử dụng nhân công làm việc tạm thời							
5.2.6. Chiến lược tác động đến nhu cầu							
5.2.7. Chiến lược đặt cọc trước							
5.2.8. Chiến lược sản xuất sản phẩm hỗn hợp							
5.3. Phương pháp hoạch định chiến lược	2		1,5		(3)		3,5
5.3.1. Phương pháp hoạch định tổng hợp							
5.3.2. Phương pháp cân bằng tối ưu							
CHƯƠNG 6. LẬP TRÌNH SẢN XUẤT	7	1	2	1	(8)	1	12
6.1. Một số khái niệm	2				(1)		1
6.1.1. Nguyên công							
6.1.2. Giai đoạn công nghệ							
6.1.3. Phối hợp nguyên công							
6.2. Phương pháp phối hợp nguyên công của quá trình gia công một loạt đối tượng (gồm một số đối tượng)	2	1		1	(3)		4
6.2.1. Phương pháp tuần tự							
6.2.2. Phương pháp song song							
6.2.3. Phương pháp hỗn hợp							
6.3. Phương pháp phối hợp nhiều công việc trên một nguyên công (1 máy) (FCFS, ED, SPT và LPT)	1,5		1,5		(2)		3
6.4. Phối hợp gia công nhiều loại đối tượng trong một quá trình gồm 2 nguyên công	1,5		0,5		(2)	1	3
6.4.1. Lập trình n công việc trên 2 máy							
6.4.2. Lập trình n công việc trên 3 máy							
CHƯƠNG 7. QUẢN TRỊ HÀNG TỒN KHO	6	1	1	1	(8)	0	9
7.1. Hàng dự trữ và các chi phí có liên quan đến hàng dự trữ	1		1		(1)		2
7.1.1. Hàng dự trữ và vai trò của nó							
7.1.2. Các chi phí liên quan đến dự trữ							
7.2. Kỹ thuật phân tích A-B-C trong phân loại hàng dự trữ (xét nguyên tắc Pareto)	1			0,5	(2)		1,5
7.3. Tồn kho đúng thời điểm	1				(2)		1
7.4. Các mô hình dự trữ hợp lý (tối ưu)	3	1		0,5	(3)		4,5

NỘI DUNG (Ghi cụ thể theo từng chương, mục, tiểu mục)	Hình thức dạy - học						Tổng (tiết)
	Lt	Bài tập	Thảo luận	HD nhóm	Tự học tự NC	Kiểm tra	
7.4.1. Mô hình đặt hàng kinh tế cơ bản EOQ (mô hình dự trữ cơ bản)							
7.4.2. Mô hình sản lượng đơn hàng sản xuất (mô hình tái tạo liên tục) POQ							
7.4.3. Mô hình khấu trừ theo số lượng QD							
7.4.4. Nhóm gộp sản phẩm (nhóm gộp đơn hàng)							
CHƯƠNG 8. ỨNG DỤNG SƠ ĐỒ MẠNG TRONG QUẢN TRỊ SẢN XUẤT	5	0	2	1	(8)	1	9
8.1. Những khái niệm liên quan đến dự án sản xuất	1		1		(2)		2
8.1.1. Đặc điểm của dự án sản xuất							
8.1.2. Quản trị dự án sản xuất							
8.2. Lập biểu đồ dự án sản xuất	2		1		(3)		3
8.2.1. Biểu đồ GANT							
8.2.2. Sơ đồ mạng							
8.3. Phương pháp lập sơ đồ PERT	2			1	(3)	1	4
8.3.1. Một số định nghĩa liên quan							
8.3.2. Quy tắc lập sơ đồ mạng							
8.3.3. Trình tự lập sơ đồ mạng							
8.3.4. Lập sơ đồ							
8.3.5. Phân tích sơ đồ							
8.3.6. Điều chỉnh sơ đồ							
8.3.7. Quan hệ thời gian và giá thành sản xuất trong sơ đồ mạng (pert-cost)							
Tổng (tiết)	43	6	12	5	(65)	2	68

6. Lịch trình tổ chức dạy – học cụ thể:

Tuần	Nội dung	Chi tiết về hình thức tổ chức dạy - học	Nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước (sinh viên tự học)	Ghi chú
I	CHƯƠNG 1.			
	1.1.			
	1.1.1.	LT – 1 tiết	Khái niệm về sản xuất	
	1.1.2.	Thảo luận - 1 tiết	Vai trò, vị trí của SX trong DN	
	1.2.			
	1.2.1.	LT – 0,5 tiết Thảo luận – 0,5 tiết	Phân loại theo số lượng sản phẩm và quá trình lặp lại	
	1.2.2.	LT – 0,5 tiết	Phân loại theo hình thức tổ chức	
	1.2.3.	Thảo luận - 0,5 tiết	Phân loại theo mối quan hệ với khách hàng	
	1.3.	LT – 1 tiết	Quản trị sản xuất	
	1.4.	LT – 1 tiết	Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của quá trình sản xuất	
II	1.5.	LT – 0,5 tiết	Nội dung chủ yếu của QTSX	
	1.6.	LT – 0,5 tiết	Kết cấu thời gian của chu kỳ SX	
	CHƯƠNG 2.			
	2.1.			
	2.1.1.	LT – 0,5 tiết Thảo luận – 0,5 tiết	Khái niệm dự báo	
	2.1.2.	LT – 0,5 tiết Thảo luận – 0,5 tiết	Các loại dự báo	
	2.2.			
	2.2.1.	LT + BT - 0,5 tiết	Nhóm phương pháp định tính	
	2.2.2.	LT + BT - 0,5 tiết	Các phương pháp định lượng	
	2.2.3.	LT + BT - 0,5 tiết	Phương pháp bình quân di động	
	2.2.4.	LT + BT - 0,5 tiết	PP bình quân di động có trọng số	

Tuần	Nội dung	Chi tiết về hình thức tổ chức dạy - học	Nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước (sinh viên tự học)	Ghi chú
	2.2.5.	LT + BT - 0,5 tiết	PP san bằng số mũ giản đơn	
	2.2.6.	LT + BT - 0,5 tiết	PP san bằng số mũ có điều chỉnh xu hướng	
	2.2.7.	LT + BT - 0,5 tiết	Phương pháp hoạch định theo xu hướng	
	2.2.8.	LT + BT - 0,5 tiết	Phương pháp phân tích cấu trúc	
	CHƯƠNG 3.			
III	3.1.			
	3.1.1.	LT – 1 tiết	Công suất	
	3.1.2.	LT – 1 tiết HD nhóm – 1 tiết	Các loại công suất	
	3.2.			
	3.2.1.	LT – 2 tiết HD nhóm – 1 tiết	Sử dụng LT quyết định để lựa chọn công suất	
	3.2.2.	LT – 1 tiết Thảo luận – 1 tiết	Lựa chọn phương án công suất dựa trên việc phân tích điểm hoà vốn	
IV	CHƯƠNG 4.			
	4.1.	LT – 1 tiết	Các bước tiến hành chọn địa điểm doanh nghiệp	
	4.2.		Các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn địa điểm doanh nghiệp	
	4.2.1.	LT – 0,5 tiết Thảo luận – 0,5 tiết	Thị trường tiêu thụ	
	4.2.2.	LT – 0,5 tiết	Nguồn nguyên liệu	
	4.2.3.	LT – 0,5 tiết	Nhân tố lao động	
	4.2.4.	LT – 0,25 tiết	Cơ sở hạ tầng	
	4.2.5.	LT – 0,25 tiết	Điều kiện môi trường xã hội	
	4.2.6.	Thảo luận – 0,5 tiết	Điều kiện tự nhiên	
	4.3.		Các phương pháp xác định địa điểm	
	4.3.1.	LT – 0,5 tiết	Phương pháp cho điểm số trọng số	
	4.3.2.	LT – 0,5 tiết	Phương pháp điểm hoà vốn	
	4.3.3.	LT – 0,5 tiết Bài tập – 0,5 tiết	Phương pháp chọn toạ độ một chiều	
V	4.3.4.	LT – 0,5 tiết Bài tập – 0,5 tiết	Phương pháp tạo độ hai chiều	
	4.3.5.	LT – 0,5 tiết	PP sử dụng bài toán vận tải	
	CHƯƠNG 5.			
	5.1.	LT – 1 tiết HD nhóm – 0,5 tiết	Hoạch định tổng hợp và nhiệm vụ	
	5.2.		Các CL hoạch định tổng hợp	
	5.2.1.	LT – 0,25 tiết Thảo luận – 0,5 tiết	Chiến lược thay đổi mức tồn kho	
	5.2.2.	LT – 0,5 tiết HD nhóm – 0,5 tiết	Chiến lược thay đổi nhân lực	
	5.2.3.	LT – 0,5 tiết Bài tập – 0,5 tiết	Chiến lược thay đổi cường độ lao động của công nhân	
	5.2.4.	LT – 0,5 tiết Bài tập – 0,5 tiết	Chiến lược thuê bên ngoài ra công hoặc làm gia công cho bên ngoài	
	5.2.5.	LT – 0,5 tiết	Chiến lược sử dụng nhân công làm việc tạm thời	
VI	5.2.6.	LT – 0,25 tiết	Chiến lược tác động đến nhu cầu	
	5.2.7.	LT – 0,25 tiết	Chiến lược đặt cọc trước	
	5.2.8.	LT – 0,25 tiết	Chiến lược sản xuất sản phẩm hỗn hợp	
	5.3.		PP hoạch định chiến lược	
	5.3.1.	LT – 1 tiết Thảo luận – 1 tiết	Phương pháp hoạch định tổng hợp	

Tuần	Nội dung	Chi tiết về hình thức tổ chức dạy - học	Nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước (sinh viên tự học)	Ghi chú
	5.3.2.	LT – 1 tiết Thảo luận – 0,5 tiết	Phương pháp cân bằng tối ưu	
	CHƯƠNG 6.			
	6.1.		Một số khái niệm	
	6.1.1.	LT – 0,5 tiết	Nguyên công	
	6.1.2.	LT – 0,5 tiết	Giai đoạn công nghệ	
	6.1.3.	LT – 1 tiết	Phối hợp nguyên công	
VII	6.2.		Phương pháp phối hợp nguyên công của quá trình gia công một loạt đối tượng (gồm một số đối tượng)	
	6.2.1.	LT – 1 tiết Bài tập – 0,5 tiết	Phương pháp tuần tự	
	6.2.2.	LT – 1 tiết HD nhóm – 0,5 tiết	Phương pháp song song	
	6.2.3.	HD nhóm – 0,5 tiết Bài tập – 0,5 tiết	Phương pháp hỗn hợp	
	6.3.	LT – 1,5 tiết Thảo luận – 1,5 tiết	Phương pháp phối hợp nhiều công việc trên một nguyên công (1 máy) (FCFS, ED, SPT và LPT)	
	6.4.		Phối hợp gia công nhiều loại đối tượng trong một quá trình gồm 2 nguyên công	
VIII	6.4.1.	LT – 1,5 tiết	Lập trình N công việc trên 2 máy	
	6.4.2.	Thảo luận – 0,5 tiết Kiểm tra – 1 tiết	Lập trình N công việc trên 3 máy	
	CHƯƠNG 7.			
	7.1.		Hàng dự trữ và các chi phí có liên quan đến hàng dự trữ	
	7.1.1.	LT – 0,5 tiết Thảo luận – 0,5 tiết	Hàng dự trữ và vai trò của nó	
	7.1.2.	LT – 0,5 tiết Thảo luận – 0,5 tiết	Các chi phí liên quan đến dự trữ	
	7.2.	LT – 1 tiết HD nhóm – 0,5 tiết	Kỹ thuật phân tích A-B-C trong phân loại hàng dự trữ (xét nguyên tắc Pareto)	
	7.3.	LT – 1 tiết	Tồn kho đúng thời điểm	
	7.4.		Các mô hình dự trữ hợp lý (tối ưu)	
XI	7.4.1.	LT – 1 tiết HD nhóm – 0,5 tiết	Mô hình đặt hàng kinh tế cơ bản EOQ (mô hình dự trữ cơ bản)	
	7.4.2.	LT – 1 tiết Bài tập – 0,5 tiết	Mô hình sản lượng đơn hàng sản xuất (mô hình tái tạo liên tục) POQ	
	7.4.3.	LT – 0,5 tiết Bài tập – 0,5 tiết	Mô hình khấu trừ theo số lượng QOD	
	7.4.4.	LT – 0,5 tiết	Nhóm gộp sản phẩm (nhóm gộp đơn hàng)	
	CHƯƠNG 8.			
	8.1.		Những khái niệm liên quan đến dự án sản xuất	
	8.1.1.	LT – 0,5 tiết Thảo luận – 0,5 tiết	Đặc điểm của dự án sản xuất	
	8.1.2.	LT – 0,5 tiết Thảo luận – 0,5 tiết	Quản trị dự án sản xuất	
	8.2.		Lập biểu đồ dự án sản xuất	
X	8.2.1.	LT – 1 tiết Thảo luận – 0,5 tiết	Biểu đồ GANT	
	8.2.2.	LT – 1 tiết Thảo luận – 0,5 tiết	Sơ đồ mạng	
	8.3.		Phương pháp lập sơ đồ PERT	

Tuần	Nội dung	Chi tiết về hình thức tổ chức dạy - học	Nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước (sinh viên tự học)	Ghi chú
	8.3.1.	LT – 0,5 tiết	Một số định nghĩa liên quan	
	8.3.2.	LT – 0,5 tiết	Quy tắc lập sơ đồ mạng	
	8.3.3.	LT – 0,25 tiết	Trình tự lập sơ đồ mạng	
	8.3.4.	LT – 0,25 tiết	Lập sơ đồ	
	8.3.5.	LT – 0,25 tiết Thảo luận – 0,5 tiết	Phân tích sơ đồ	
	8.3.6.	LT – 0,25 tiết Kiểm tra – 0,5 tiết	Điều chỉnh sơ đồ	
	8.3.7.	Thảo luận – 0,5 tiết Kiểm tra – 0,5 tiết	Quan hệ thời gian và giá thành sản xuất trong sơ đồ mạng (pert-cost)	

7. Tiêu chí đánh giá nhiệm vụ giảng viên giao cho sinh viên:

- Sinh viên phải dự học tối thiểu 70% thời lượng học trên lớp của môn học mới được đánh giá điểm quá trình và tham dự thi hết môn.
- Thông qua các tài liệu được liệt kê ra ở phần “4. Học liệu”, sinh viên phải tìm hiểu bài trước khi lên lớp theo các “Nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước” trong phần “6. Lịch trình tổ chức dạy – học cụ thể”.
- Sinh viên dự lớp phải tham gia thảo luận và xây dựng bài.

8. Hình thức kiểm tra, đánh giá môn học:

- Sử dụng thang điểm 10 để đánh giá môn học.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy.

9. Các loại điểm kiểm tra và trọng số của từng loại điểm:

- Điểm đánh giá môn học bao gồm 2 phần:
 - + Điểm quá trình: Chiếm 30% trong tổng điểm đánh giá hết môn, trong đó bao gồm: Sinh viên đi học chuyên cần; Sinh viên chịu khó sưu tầm tài liệu để tìm hiểu các vấn đề theo “nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước” với chất lượng tốt; Sinh viên tích cực tham gia thảo luận xây dựng bài. Điểm bài kiểm tra...
 - + Điểm thi cuối kỳ: Chiếm 70% trong tổng điểm đánh giá hết môn, hình thức thi “trắc nghiệm trên máy”.

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học:

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy, ...): Nhà trường trang bị hệ thống phòng học có máy chiếu cố định để phục vụ cho các tiết thảo luận và giảng dạy (tối thiểu 1/3 số tiết của môn học được sử dụng máy chiếu)
- Yêu cầu đối với sinh viên (sự tham gia học tập trên lớp, quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập về nhà, ...): Sinh viên phải tìm hiểu trước các vấn đề theo “nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước” để phục vụ cho việc giảng dạy và thảo luận.

Hải Phòng, tháng 6 năm 2011

Chủ nhiệm khoa

Người viết đề cương chi tiết

ThS. Hòa Thị Thanh Hương

ThS. Nguyễn Thị Hoàng Đan

